

Bài 116. Kinh Tăng Chi | Chương Năm pháp | Phẩm Sumanā | Sư Giác Nguyên giảng 16/09/2018

Hôm nay mình sẽ học kinh Sumanā, vì kinh Nagita đã giảng rồi. Nghĩa là có một nhóm Bà-la-môn đến viếng Đức Phật, và họ làm âm ỉ thì Đức Thế Tôn đã không tiếp họ. Chiều nay mình học tiếp theo là kinh 31.

Chữ Sumanā trong tiếng Pali có hai nghĩa:

1. Sự vừa lòng, sự vui vẻ, thích ý.
2. Hoa nhài, jasmine.

Sở dĩ chúng tôi cho hai nghĩa là bởi vì nó có liên quan đến bài giảng của chúng ta. Bởi vì cái tên thì thường tên riêng nó cũng không có cái gì quan trọng, nhưng trường hợp đặc biệt thì mình cũng phải nói một chút.

Cách đây 91 đại kiếp Trái đất, nàng Sumanā này đã từng cúng dường Đức Phật Vipassī, là Phật Chánh Đẳng Giác giống như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vậy đó. Nhờ cái phước cúng dường đó cho nên sau khi chết nàng sanh vào rất là nhiều bối cảnh phải nói là huy hoàng, sung sướng suốt 91 đại kiếp như vậy.

Đến đời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì nàng sinh vào làm con gái của vua Pasenadi, Ba-tư-nặc. Nàng có một người anh trai, mà ông anh ruột hoàng tử của nàng có một người bạn thân, tức là người hầu của ông tướng trong triều. Hai người này đều trải qua nhiều kiếp tu hành xuất sắc.

Có một điều là ông anh hoàng tử của nàng vốn là một vị Tỳ-kheo sống với một tấm lòng hào sảng, rộng rãi; có trái cà hay củ sắn cũng đem chia sẻ cho bạn tu đồng đạo. Còn ông bạn của ông hoàng tử này kiếp trước cũng là một vị Tỳ-kheo, nhưng mà cứ chuyên lo giữ giới và thiền định thôi, chứ cái lòng không có được rộng rãi lắm.

Sau khi chết rồi thì hai vị cũng có đi tái sinh về nhiều cảnh giới khác nhau, nhưng đến kiếp cuối cùng thì ông Tỳ-kheo rộng rãi đó được sinh về làm hoàng tử của vua Ba-tư-nặc, tức là làm anh của công chúa Sumanā này nè. Còn cái ông Tỳ-kheo giới luật trong sạch, tu thiền tùm lum hết nhưng mà hơi kẹo thì lại sinh ra trong gia đình của ông người hầu tướng quân.

Thì cả hai người đều có trí nhớ tiền kiếp. Bữa đó Sumanā tình cờ nghe cuộc đối thoại của hai người. Ông anh của nàng nói:

“Ông thấy không? Tôi kiếp trước sống rộng rãi cho nên bây giờ sinh ra tôi làm vua, còn ông thì kẹo quá nên bây giờ sinh ra làm cái người không có được khá lắm.”

Công chúa Sumanā nghe vậy thì công chúa mới nghĩ thế này: “Hai cái ông nội này không có phải là cái dân tầm thường.”

Đã vậy, khi ông anh của nàng nói như vậy thì ông kia trả lời nghe ghê lắm. Ông kia nói:

“Sá gì ba cái thứ vật chất tào lao mà ông đang tự hào.”

Trong kinh ghi rõ như vậy: “Sá gì ba cái vật chất tào lao mà ông tự hào, tất cả trong mắt tôi chỉ là đất nước lửa gió thôi, chứ không có cái gì để ông kiêu ngạo hết.”

Bây giờ tôi quay lại với nàng Sumanā. Nãy tôi có kể cho bà con nghe là 91 đại kiếp về trước, nàng có cúng dường trọng hậu đối với Thế Tôn Vipassī cho nên kiếp này nàng sinh ra làm công chúa. Cái ngày mà nàng sinh ra thì có một trận hoa lài rớt rơi ngập đất. Đồng thời cái ngày đó có 500 bé gái trong cái đám người hầu của nàng cũng được sinh, tức là trước khi ra đời, mẹ nàng cũng có mấy người hầu và họ cũng có gia đình, rồi họ cũng có chồng có con. Và cái ngày mà nàng sinh ra thì cả 500 người đó cũng đều sinh ra. Nó đặc biệt như vậy.

Cả 500 người đó cũng đều sinh ra cùng một ngày, và ngày hôm đó có một trận hoa, toàn là hoa lài, nó rớt đầy dưới mặt đất. Thì vua Pasenadi biết rằng con gái của mình

là một bé gái không có tầm thường, cho nên vua mới đặt tên con là Sumanā. Có hai nghĩa: một là vui lòng, thích ý, nghĩa là con sanh ra, con làm cho cả một đất nước ai cũng vui; thứ hai là vì con sanh ra có một trận mưa hoa lài nó rớt xuống như vậy nên thôi đặt tên con là Sumanā, một tên mà hai nghĩa.

Khi mà nàng được bảy tuổi thì nàng cùng với 500 cô hầu đi vào chùa nghe pháp và nàng đắc được Tu-đà-hườn. Trong đây có ghi rõ, trong toàn xứ Ấn Độ thời đó có ba người con gái mà ngay khi còn ở với cha mẹ, chưa về nhà chồng, là đã sống như bà hoàng, sống như mệnh phụ; mỗi cô đi đâu đều có chư tỳ và với 500 chiếc kiệu.

Cho nên toàn cõi Diêm-phù-đề, Ấn Độ thời đó, có ba người con gái được cái phước đó thôi: một là nàng Sumanā này đây, thứ hai là nàng Visākhā, thứ ba là công chúa Cundī. Công chúa Cundī là con gái của vua Bình-sa-vương, tức là em gái của ông vua A-xà-thế.

Tôi nhắc lại, chỉ có ba người con gái sống sang cả như bà hoàng từ cái thời chưa về nhà chồng đó là: nàng Visākhā, nàng Sumanā, công chúa của vua Pasenadi, và công chúa Cundī, công chúa của vua Bimbisāra, Bình-sa-vương.

Tôi trở lại nàng Sumanā sau khi nàng nghe cuộc đối thoại của ông anh mình với người hầu. Tuy là một vị Tu-đà-hườn nhưng mà nàng có suy nghĩ thế này:

“Thật là kỳ diệu, thật là kỳ diệu, mấy cha này chưa có tu hành gì hết, chỉ là cư sĩ mà mấy cha đã thâm hậu như vậy. Mà cái chuyện này ta đem ta nói cha mẹ nghe thì họ chịu không nổi, họ sốc và sợ lắm, họ sẽ nói rằng mấy người này là ma quỷ thì lúc đó lại phiền nữa. Ta còn có một người cha tinh thần nữa là Thế Tôn, cha máu mủ là vua. Thôi thì ta đem cái chuyện này ta hỏi Ngài.”

Thế là mới có bài kinh 31 này đây, duyên sự nó nằm ở đây, mà trong chánh tạng thì không có nói như này giờ tôi kể cho bà con nghe.

Trong chánh tạng chỉ kể là:

“Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvathī, Jetavana, tại khu vườn của Anāthapiṇḍika. Rồi Sumanā, con gái vua, với năm trăm thiếu nữ hộ tống trên năm trăm cỗ xe, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Sumanā, con gái vua, bạch Thế Tôn.”

Chuyện mà nãy giờ tôi kể là trong chú giải mà cô Giọt Mưa mới post lên đó.

Nàng mới hỏi là:

“Bạch Thế Tôn! Nếu mà có hai người tu hành ngon lành.”

Ngon lành tức là ngang bằng với nhau về niềm tin, giới hạnh, trí tuệ, nhưng một người có bố thí và một người không có bố thí thì khi về trời hai vị ấy có khác nhau hay không?

Đức Phật nói có khác chứ. Cái ông mà có bố thí thì về vật chất ổng cái gì cũng ngon lành hơn cái ông không có bố thí.

Có nghĩa là bà con tu thiện, giữ giới, phục vụ, nghe pháp, làm bao nhiêu phước thì nó vẫn có thể đưa bà con về trời hết. Chỉ một lần lay Phật thôi cũng có thể đi về trời thì chuyện đó không có gì lạ. Nhưng có một điều, về là về vậy thôi, nhưng lên trên đó thì đời sống của mỗi vị tiên khác nhau.

Cũng giống như mình có đủ visa, passport để đi về một đất nước Hoa Kỳ, Thụy Sĩ.

Nhưng mà vào trong đó rồi mà mình sống ra làm sao thì lại là một chuyện khác. Không phải ai đặt chân tới Mỹ cũng đều sống sung sướng như nhau. Tôi có được nghe nhiều chuyện cũng rất là đau lòng. Có những người qua Mỹ rồi thì vợ chồng, con cái đều đi làm lao công, tức là đi rửa chén, chùi cầu, hút bụi, quét nhà cho người khác, hoặc làm vú em, làm vườn... Có người chạy taxi mặc dù qua Mỹ rồi.

Thì ở đây cũng vậy, được về trời là cái phước riêng, nhưng về trời thì cái mức sống giữa người này với người kia cũng có mức chênh lệch. Cái đó là do phước của mình

tu tạo. Mình thiếu cái gì thì về trên mình lép một chút.

Thí dụ như trong chú giải A-tỳ-đàm bộ thứ nhất, tức bộ Pháp Tụ. Trong đó kể rằng Đức Thế Tôn trong một lần Ngài ngự trên cõi Dao Lợi, Ngài thuyết tạng A-tỳ-đàm để độ cho bà Maya, để trả ơn sinh thành. Khi Thế Tôn mới vừa lên tới thì có hai vị thiên tử ngồi kế bên Ngài. Khi Ngài giảng được một đôi thì một trong hai ông cứ xích ra, xích ra. Mỗi lần có chư thiên ở xa tới thì một trong hai ông xích ra nhường chỗ cho người ta, hễ có khách tới là ông nhường.

Cuối cùng rồi các vị biết là khi Thế Tôn giảng xong ba cái tháng hạ thì ông đó ông đã cách Thế Tôn tới 12 do-tuần, tức là khoảng 40 cây số. Tức là từ chỗ đầu tiên ông ngồi cho tới lúc mà Ngài giảng xong cái tạng A-tỳ-đàm là ông đã cứ nhích, nhích, nhích vậy đó. Cuối cùng ông cách Ngài tới 40 cây số.

Sau khi giảng xong thì chư thiên tới đánh lễ, thưa gửi tùm lum hết, thì Đức Thế Tôn Ngài mới hỏi ông mà xích ra, xích vô đó. Ngài hỏi:

“Vậy chứ tại sao đầu cái mùa an cư thì ở đây có hai thiên tử ngồi cạnh Như Lai, mà sao càng lúc khách càng đông thì một người ngồi yên một chỗ, còn một người thì cứ xích ra vậy là sao?”

Cái ông mà ông không xích thì ông nói:

“Dạ, con thấy ai cũng vậy thôi. Họ tới đâu thì con tới đó, thì con mắc gì con phải xích. Tới sau thì ngồi ở đằng xa chút. Con tới trước thì con ngồi gần Thế Tôn, thì con thấy chuyện đó rất là bình thường. Họ với con ai cũng như ai thôi.”

Rồi Ngài mới quay qua Ngài hỏi cái ông mà xê mông đi riết tới 40 cây số, Ngài hỏi:

“Còn người thì sao? Tại sao bây giờ người xa Như Lai quá vậy?”

Sẵn ở đây nói luôn, đây là cuộc đối thoại giữa những người có thần thông. Chứ trong room nhiều người nghe cái này nó hơi phong thần, các vị ngạc nhiên nói:

“Ừa, cái hội chúng gì mà lớn đến mức mà cái chỗ tụ tập lên tới 40 cây số?”

Xin thưa rằng với cái sức vóc và thần lực của chư thiên thì chuyện đó là cái chuyện nhỏ xiu, không có là gì hết. Đối với Thế Tôn và những vị thiên tử về châu hầu hôm đó thì vấn đề không gian nó chẳng là cái gì hết. Minh tạm hiểu nó giống như kinh Duy-ma của Phật giáo Bắc truyền; một bát cơm mà có thể ăn vô lượng thánh chúng, một ngôi nhà nhỏ có thể chứa được thánh chúng, Bồ-tát Mahatát từ mười phương.

Thì ở đây Ngài hỏi vì sao một vị nhường còn một vị thì không nhường. Thì một người trả lời:

“Dạ, con là đệ tử của Ngài Anuruddha, đệ nhất thiên nhân. Con cũng cúng dường và hộ trì cho sư phụ trong một mùa hạ có ba tháng, rồi con hết tuổi thọ nên con lăn ra con chết. Do cái công đức hộ trì một vị đại đệ tử như vậy, một bậc đại thánh Thánh Văn như vậy, thì con lên đây con thấy ai cũng cỡ con thôi, chứ không có ai hơn con hết trơn.”

Còn cái ông kia nói:

“Bạch Thế Tôn, con hồi đó con từng làm chủ một rẫy mía. Tới mùa thu hoạch thì một phần con đi bán, còn một phần không nhỏ con dành ra để làm một cái chỗ ép nước mía cho khách đi đường. Ai đi ngang đó cũng có được một ly nước mía uống hết. Mà cả đời con như vậy, tới mùa mía nào con cũng bố thí nước mía cho người ta. Nhờ cái phước đó mà con được về trời, nhưng có điều cái đối tượng mà con cúng dường không có được ghê gớm như cái ông hộ trì Ngài Anuruddha. Cho nên cái ông này ổng chỉ hộ trì ba tháng thôi mà ổng không có ngán ai hết. Còn con cúng dường cả đời vậy nhưng mà con thấy ai cũng hơn con hết.”

Cho nên một cái công đức được xem là lớn hay nhỏ là tùy thuộc vào ba cái điều kiện.

Một, đối tượng: cái người mình cúng là ai, người có đức độ nhiều hay không có đức độ.

Hai, tâm tư thí chủ: cái này rất quan trọng, vì các vị gặp Phật mà các vị cúng giống như là xiu xiu, thấy Ngài hơi hiền hiền, đẹp đẹp nên lại cúng thôi à. Thấy Ngài đi bát trời nắng nên tội nghiệp vậy đó, thì cái phước nó khác.

Còn mình hiểu rằng đây là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, cha của chư thiên và nhân loại, Ngài là thầy của ba cõi, Ngài là cái chỗ nương tựa đời này kiếp khác cho vô lượng chúng sinh, Ngài có đầy đủ các đức lành. Khi mà mình hiểu về Thế Tôn hơi khá khá như vậy thì công đức chẳng thể nghĩ bàn. Còn đấng này mình thấy Ngài là một ông thầy tu hơi hiền hiền vậy đó, thì cái đó là chuyện khác, cái phước nó nhỏ hơn.

Ba, vật thí: trong kinh ghi rõ là bố thí có đúng lúc hay không, cái vật thí đó có hợp đạo hay không, và cái tác dụng của vật thí đó mình nhắm tới là cái gì. Thí dụ như bây giờ mình đào đường, làm giếng, xây cầu thì cái phước đó khác, bởi vì cái đó là dài lâu. Còn đấng này mình chỉ đãi có bữa ăn cho bà con no một bữa đó rồi thôi thì công đức đó lại khác một chút. Mặc dù cái nào cũng là bố thí hết, nhưng một cái là mình nhắm đến lợi ích lâu dài nó khác, tác dụng bền lâu nó khác với cái chuyện làm một bữa cho xong.

Nàng mới hỏi Đức Thế Tôn vậy chứ có cái sự khác biệt nào giữa hai cái người tu hành chơn chánh. Ở đây phải hiểu chữ chơn chánh là có đức tin, giới hạnh, trí tuệ bằng nhau, nhưng một người có bố thí còn một người không có bố thí. Thì Đức Thế Tôn Ngài xác nhận rằng: dầu có đi về cõi trời đi nữa thì cả hai cũng đều có sự khác biệt về đời sống vật chất.

Thứ hai là nàng hỏi nếu đi xuất gia thì sao? Thì Ngài nói có. Nếu đi xuất gia rồi thì cái vị từng có cái phước bố thí, khi đi tu sẽ nhận lấy cái sự cúng dường nhiều hơn là cái vị kia, cái vị mà thiếu cái phước bố thí.

Nói cái này thì Phật tử trong room nghe cái này cũng thấy lạ lạ rằng:

“Ừa, chứ người tu cũng nằm trong cái vòng nhân quả hay sao?”

Tôi nói là còn chứ, Phật còn hưởng chi mình. Tức là Thế Tôn không còn tạo ra nhân thiện hay nhân ác. Đúng. Nhưng mà Ngài vẫn phải còn nhận quả thiện, quả ác trong quá khứ chứ.

Thì một vị Tỳ-kheo đã đi xuất gia rồi, nhưng nếu trong tiền kiếp từng tạo phước bố thí, từng là người có lòng hào sảng rộng rãi, thì đi tu rồi thì cái đường vật chất nó cũng thoải mái. Đi bát thì tự nhiên cũng nhận được.

Nhiều khi ở rừng sâu núi thẳm vậy đó, nhưng cũng được chư thiên hoặc phước báu nó xui khiến cho có người họ tìm tới hộ trì, giúp đỡ. Còn nếu mình mà vô phước thì mình có ở ngay trung tâm dân cư đi nữa, thì đói thì vẫn cứ đói thôi. Ai mà làm thầy tu rồi thì biết cái chuyện này rành lắm.

Bà mới hỏi thêm như vậy: rồi tới khi mà đắc quả A-la-hán thì hai vị có khác biệt hay không về vấn đề giải thoát?

Đức Phật nói: không. Hai vị A-la-hán có thể khác biệt nhau về ngoại hình, nhân dáng, sức khỏe, điều kiện vật chất, nhưng về nội dung giải thoát thì cả hai vị tuyệt đối giống nhau.

Nói theo Phật giáo Nam Tông thì đầu là một vị A-la-hán bảy tuổi và Thế Tôn là một vị Chánh Đẳng Chánh Giác, Vô Thượng Điều Ngự, nếu nói về cái sự giải thoát, sự thanh thân, thì giữa Thế Tôn và một vị đệ tử A-la-hán bảy tuổi giống nhau. Mặc dù trí tuệ Đức Phật thì hơn vị kia gấp tỷ lần, nhưng đều là A-la-hán thì dứt khoát phải an lạc giống nhau. Ở điểm nào? Ở điểm là cả hai không còn khổ vì thích cái này, thích cái kia; khổ vì ghét cái này, ghét cái kia.

Các vị tưởng tượng đi, một cái người không còn cái gì để ước ao, mong mỏi, trông chờ; và cũng không có cái gì để mình sợ hãi, chán ghét tới mức phải trốn chạy, xua đuổi, lánh né. Một cái người không còn gì để thích, không còn gì để ghét thì nó nhẹ dừ lắm, các vị biết không.

Bữa hôm tôi có trích một cái đoạn Pali cho bà con nghe, trong kinh giải thích cái chuyện cảm giác đặc thánh là sao. Cảm giác đặc thánh nghĩa là: “Gánh nặng đã đặt xuống và chuyện nên làm đã làm xong.” Chỉ hai cái này thôi là nó đã đến cỡ nào.

Các vị tưởng tượng đi, thí dụ chiều nay các vị nghe một câu nào đó trong cái pháp thoại này mà các vị nhận ra Tứ đế, các vị nhận ra mọi thứ là khổ, hình hài này là khổ, bất cứ một cái niềm đam mê lớn bé nào cũng đều là nhân sanh khổ, ý thức được như vậy đó chính là con đường thoát khổ. Nếu mà hiểu được như vậy mà đắc được tối thiểu là Tu-đà-hoàn, thì các vị biết cái cảm giác đó nó sung sướng lắm.

Cái câu “Gánh nặng đã được đặt xuống” có nghĩa mình tưởng cái chuyện đó nó xảy ra cho mình, nhưng mà giờ cuối mình biết nó không có gì hết. Nghĩ đến bao nhiêu đó thôi là nó đã sướng cỡ nào.

Mình đang lái xe trên đường mà mình nghe xe cảnh sát nó rượt, nghe cái tiếng còi nó hú, mình quay lại thấy cảnh sát tấp vô với một chiếc xe khác, không phải xe mình, là mình thấy sung sướng. Rồi mình đi tới xóm nhà mình mà thấy chữa cháy rần rần và mình thấy xe cảnh sát bên nhà mình thì mình run quá, nhưng mà chạy tới nơi mình biết đó là nhà hàng xóm thì cái cảm giác mình nó khác liền, biết không?

Chưa kể bây giờ mình bị accident, tai nạn gì đó trên đường, một cái rầm rồi hôn mê, mở mắt ra mình thấy mình chỉ bị xây xước, rụng có một cái răng, còn đứa con mình thì nó mập ú, tròn u, mũm mĩm kể bên, nắm cái tay mình lắc lắc hỏi: “Ba ok không? Má ok không?” Là mình mừng biết bao nhiêu. Chỉ cần mình biết con mình nó ok là mình mừng rồi. Mình biết cái nhà cháy kia không phải là nhà của mình, thì các vị tưởng tượng đi.

Đặng này một vị Tu-đà-hoàn còn hơn như vậy nữa. Cái vị ấy mà nhận ra Tứ đế thì cái vị ấy thấy: “À! Thì ra không có cái gì là tôi, là của tôi hết.” Đó là cái thứ nhất.

Cái thứ hai, vị này biết chắc chắn rằng mình không thể nào luân hồi quá bảy kiếp.

Điều thứ ba nữa là vị ấy thấy rằng kiếp này dù mình chết kiểu nào và mình sống bao lâu không thành vấn đề, nếu kiếp này mình không đắc La-hán thì sau kiếp này mình chắc chắn mình chỉ có đi lên chứ không có đường xuống. Các vị tưởng tượng xem, chỉ cần nghĩ tới ba cái này là các vị sung sướng đến cỡ nào. Đó là tôi nói đến quả vị thấp nhất thì sung sướng cỡ nào.

Cho nên khi chứng thánh rồi thì các Ngài được an lạc giống nhau hết. Có một điều, sau khi chứng, sau hôm sau hai vị ôm bát đi thì tình hình nó hơi khác một chút. Cái vị nào phước bố thí nhiều thì tự nhiên đại gia đang đi xe dừng lại cúng cho yến sào, bào ngư, nấm đen của Pháp, rồi tùm lum hết. Còn vị nào mà thiếu phước thì đi cả buổi, từ tám giờ quất cho tới mười một giờ rưỡi mà có một đòn bánh tét cầm tay thôi. Cũng là La-hán đi cả buổi sáng mà chỉ có miếng bánh tét, miếng tàu hủ, nửa lon gạo mà nó dính tùm lum luôn thì trưa này về ăn kiểu gì đây.

Cũng là La-hán, nhưng một vị thì đang đi có một chiếc xe Limousine ngừng lại, thỉnh Ngài lên xe đưa về một cái dinh cơ đồ sộ bên bờ biển xanh cát trắng này nọ, máy điều hòa, rồi vô dăng cúng cho Ngài toàn là mâm son đĩa ngọc đồ không. Nó khác nhau có tí ti đó thôi, chứ còn nội tâm của hai vị sau bữa ăn đi về rừng ngồi dưới gốc cây thì vị này nhìn vị kia mỉm cười. Hai nụ cười đó đẹp như nhau, thừa quý vị, vì đó là nụ cười của hai vị đứng ngoài vòng sanh tử.

Cho nên cái bài kinh này sâu là sâu chỗ nào? Sâu ở chỗ là ngoài cái chuyện Ngài nói về bố thí là Ngài nói về cái lớp vỏ ngoài của bài kinh thôi, quý vị. Nhưng mà cái lớp nội dung sâu thẳm của kinh là cái gì? Đó là có công đức vật vãnh thì đời sống nó dễ hơn một chút, nhưng mà cốt lõi tu hành đó là quả vị thánh nhân.

Nội dung kinh gồm hai vấn đề: lớp vỏ về chuyện bố thí, nội dung ruột là xác định cốt lõi của lý tưởng tu tập đó là buông hết mà đi. Đọc kinh là phải đọc như vậy nó mới phê. Câu cuối cùng chính Đức Phật Ngài xác nhận là giữa hai vị La-hán, nói về cái giải thoát thì không hề có một cái sự sai khác nào hết.

Tiếp theo, nầy tôi có nói cho bà con nghe rồi, chỉ có ba người con gái sống như bà hoàng ngay cái thời thiếu nữ bên chân cha mẹ. Người thứ nhất đó là công chúa Sumanā, thứ hai là công chúa Cundī của vua Bình-sa-vương, thứ ba là nàng Visākḥā, là nàng đại thí chủ, con gái của triệu phú Dhananjaya. Ông này ông giàu dữ lắm.

Nàng đến, nàng gặp Phật rồi nàng hỏi như thế này:

“Bạch Thế Tôn! Anh của con có nói một cái câu như thế này, mà ông nói gọn lắm. Ông nói ai mà có thọ trì Tam quy Ngũ giới thì chết không bị đọa. Con xin hỏi quy giới như thế nào mới có kết quả như vậy?”

Câu hỏi này rất là thông minh. Tức là: anh của con nói là ai có thọ trì Tam quy Ngũ giới thì chết rồi sẽ không bị đọa, nhưng mà con thì con không đồng ý cái cách nói gọn như vậy. Cho nên con xin hỏi Thế Tôn là đến cái mức nào. Các vị thầy trong chánh kinh nó dài dễ sợ không? Rất là dài mà tôi tóm lại chút xíu thôi.

Đức Phật Ngài dạy phải suy xét như sau về Tam Bảo mới gọi là đủ chuẩn:

1. Phật là số một trong tất cả chúng sinh: tất cả chúng sinh dù có đủ năm uẩn hay bốn uẩn hay một uẩn.

Chúng sanh hữu tướng, vô tướng, hay là phi tướng phi phi tướng, có tâm hay là không tâm, thì không có chúng sanh nào vĩ đại hơn Thế Tôn, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác hết. Phải hiểu như vậy, chứ mình không thể thờ Phật như là thờ thần.

Lý tưởng ly dục là cao nhất trong tất cả các giáo thuyết

Trên đời này, trong tất cả giáo thuyết, trong tất cả giáo nghĩa, trong tất cả đường hướng lý luận học thuật chuyên môn, chuyên khoa, chuyên ngành, trong tất cả mọi lãnh vực tri thức, tư tưởng, tâm linh, tinh thần của chúng sinh trong ba giới bốn loài, thì không có cái gì mà nó hơn được lý tưởng ly dục.

Vì cái lý tưởng nào cũng quần quanh trong tập đế, nguồn gốc đau khổ. Chỉ có lời dạy ly dục của chư Phật mới giúp ta lìa tập đế, chấm dứt khổ.

Dầu cho các vị sống quần quanh trong sắc, thanh, khí, vị, xúc của năm trần dục giới; hay là quý vị chìm sâu trong thiền định sắc giới, vô sắc giới, đến cái tầng cao nhất là phi tưởng phi phi tưởng. Các vị có là bác sĩ, kỹ sư, nhà ngôn ngữ học, nhà khảo cổ, nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, hay là cái giống gì tôi không cần biết. Hễ các vị không sống trong lý tưởng ly dục, không sống trong tinh thần ly dục, không có nhắm tới cứu cánh ly dục, thì mình cũng đời đời quần quanh trong cái tập đế thôi.

Cho nên Ngài dạy rằng: “Lời dạy tinh hoa của chư Phật chính là nhắm đến cái lý tưởng ly dục”, tức là lìa bỏ tham ái.

Cho nên mình niệm Phật là mình niệm Thế Tôn là nhân vật số một trong tất cả chúng sinh. Thứ hai, giáo pháp của Thế Tôn là số một trong tất cả các giáo pháp, bởi vì cái lý tưởng cao nhất của giáo pháp chính là ly dục.

Cái định nghĩa của vấn đề này nó cao lắm. Tôi nhắc lại một lần nữa là ai mà chưa thấy nguy hiểm của tham ái, còn có chỗ nắm níu, thì dù có được gì trong chuyện tu hành hay sự nghiệp thế gian thì còn trong bể khổ. Tin tôi đi, đó là sự thật.

Tại vì một vị Tu-đà-hườn, chuyện đầu tiên ngay giây phút đầu tiên đắc đạo là vị ấy lập tức có cái câu này trong đầu liền:

“Yam kiñci samudayadhammam, sabbantam nirodhadhammam”.

Bà con ghi, copy cái câu này đem liệng lên Google coi người ta nhắc đến trong bao nhiêu chỗ. Câu này có nghĩa: “Cái gì đã sinh ra thì phải bị mất đi”.

Nghĩa là vị Tu-đà-hườn, cái câu đầu tiên mà nó bung ra, bật ra, nảy ra, chói lòa trong lúc vị đó đắc đạo là câu này nè. Câu này tôi thuộc lòng là câu bùa, nên copy câu này đem liệng lên Google coi bác ấy nói cái gì mới thấy ghê.

Cho nên lý tưởng ly dục là nó sâu thẳm. Chẳng những sâu thẳm mà nó còn là toàn bộ tinh hoa của Phật pháp, của chư Phật ba đời mười phương.

Tôi nhắc lại một lần nữa, tại sao lý tưởng ly dục được coi là cao nhất? Là vì tất cả phàm phu đặng đâu năm đó. Sanh ra trong đồng phân thì coi đồng phân là số một. Sanh ra trong một cái xác thú thì coi cái xác thú đó là số một. Sanh ra trong cái ống cống thì coi cái ống cống đó là số một. Sanh ra trong cái đồng rác thì coi cái đồng rác đó là số một. Tức là đặng đâu năm đó.

Rồi sinh ra làm hoàng tử thì thấy cái hoàng tử đó là số một. Sanh ra làm đại gia thì thấy cái đại gia đó là số một. Thậm chí sanh ra làm một cái bà ăn mày thì lớn lên cũng vẫn thấy cái đời sống ăn mày đó có cái gì đó để mình nắm nín. Phải thấy cái đó.

Nói chung là kẻ phàm phu là sanh ra ở đời đặng đâu năm đó, đặng đâu năm đó. Mình muốn giải thoát, thành thánh nhân, không còn sanh tử nữa, thì cái chuyện đầu tiên phải nhớ hai điều.

Điều thứ nhất là mọi thứ do duyên mà có, có rồi phải mất. Phải nhớ luôn luôn như vậy.

Điều thứ hai là tất cả những gì ta có được đều là cái trạm dừng, chứ không có cái gì đáng để ta phải đời đời kiếp kiếp nắm nín, ghì chặt không buông.

Bởi vì sao ta không nên nắm nín nó? Bởi vì có tới một ngàn lẻ một lý do.

Thứ nhất, ta nắm nín nó ta chỉ khổ thôi, bởi vì muốn giữ mà giữ không được thì ta chỉ khổ thôi.

Thứ hai, cho dù ta có giữ nó được trăm năm, nó không có mất, nhưng mà cũng phải có lúc ta bỏ nó mà ta đi. Tức là nó không bỏ ta thì ta cũng phải bỏ nó.

Mình sanh ra trong một cái gia đình đại gia, được bố để lại cho một tòa lâu đài lộng lẫy bên bờ biển tuyệt đẹp rồi thì sao? Mình ăn học, mình có bằng bác sĩ, mình có vợ,

mình có con rồi thì sao? Mình sống cho tới 98 tuổi trong cái lâu đài đó rồi thì sao? Tới năm 99 thì mình cũng phải lặn ra mình chết, chứ không lẽ bây giờ quý vị muốn sống bao nhiêu?

Tức là tôi cho quý vị một bối cảnh mà phải nói là tuyệt hảo đó. Tới năm 99 mà không chết thì 100, mà 100 không chết thì 101, 102, 103, cũng phải chết chứ. Chưa kể cái chuyện một ông cụ 99, 100 thì các vị biết ông xê dịch trong tòa lâu đài đó nó khổ cỡ nào? Đối với ông cụ lúc đó là chỉ cần có người đẩy xe lăn là ông mừng rồi, nếu ông chưa bị lặn. Chứ còn sở hữu cái tòa lâu đài đó, đối với cái người trăm tuổi, nó rất là vô duyên, một cái gì đó rất là bẽ bàng, rất là mỉa mai.

Không một tập thể nào vĩ đại hơn Tăng chúng

Ở đây là Thánh chúng, đệ tử của Phật. Vì không một đoàn thể nào cùng lúc đồng lòng nhằm chán mọi sự như Thánh chúng của chư Phật.

Trong kinh kể nhiều lần và rất nhiều lần, Ngài A-nan có 500 vị đệ tử, Ngài Xá-lợi-phất có 500 vị đệ tử, rồi Ngài Mục-kiền-liên, Ma-ha-ca-diếp, Câu-a-chiên-diên, Ngài Câu-hy-la, v.v... Mỗi chục vị đại đệ tử, mỗi vị dắt theo 500 đệ tử, mà cả thầy lẫn trò đều là những bậc thánh.

Trời ơi, các vị biết, ngồi cao chót vót chánh giữa là Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác, cái gì Ngài cũng buông là khỏi nói. Mà toàn bộ mấy ngàn đệ tử bên dưới đều là những cái vị mà coi như nhìn tam giới như ngôi nhà đang cháy, nhìn năm dục như là cái đồng phân, cái đồng rác.

Tới giờ thì mấy ngàn vị vẫn đi khát thực, mà khi ăn thì biết rất rõ là đang lấy cái bất tịnh này để nuôi cái bất tịnh này, chờ cho các cục bất tịnh này nó lăn đùng ra nó sinh. Các vị tưởng tượng một cái hội chúng nó khủng khiếp như vậy. Một cái hội chúng mà tới giờ im lặng thì cả một cái hội chúng im lặng theo dõi thân, thọ, tâm, pháp.

Một cái hội chúng mà khi cần là đứng dậy ôm bát vào làng, vào phố để khất thực, mà luôn luôn ý thức rất rõ là ta đang lấy cái đồ bất tịnh này để nuôi cái khối bất tịnh kia và chờ cho nó lăn đùng ra, nó lạnh ngắt, cứng đờ. Sống trong một cái tâm trạng như vậy đó, đặc biệt như vậy.

Đó là cái hội chúng đặc biệt. Không có hội chúng nào mà như cái Thánh chúng của chư Phật. Cho nên một cái công đức nhỏ bé mà hiển cúng hưởng về cái hội chúng.

Này được xem là hưởng về cái ruộng phước bất khả tư nghì, phước điền vô thượng của đời.

Chỉ có giới hạnh từ Sơ quả trở lên, dầu chết cũng không phạm, đáng để thánh nhân tán thán. Nói gọn lại, đây là các pháp Dự lưu phần, hay đặc điểm của bậc Sơ quả.

Đó là cái vị đã thành tựu được cái niềm tin nơi Tam bảo một cách bất động, bất thoái, không có xê dịch, di chuyển nữa, không có vì một lý do nào mà rời xa Tam bảo. Cái người đó khi mà họ đã thọ quy giới thì họ có thể chết dễ hơn là họ vi phạm cái giới luật mà họ đã nhận.

Thí dụ như họ là cư sĩ thì đối với họ, cái chết nó dễ hơn là cái chuyện mà họ phải phạm năm giới. Nếu họ là người xuất gia thì cái chết nó còn dễ hơn là cái chuyện mà họ phải phạm giới.

Còn mình là phàm phu thì khác, chưa cần tới tính mạng, chỉ cần một lợi ích nhỏ hoặc là một nỗi lo sợ nhỏ thôi thì cái chuyện phạm giới là cái chuyện nó rất là đơn giản. Phàm phu thì không phạm mới lạ, nhưng mà đối với Thánh nhân thì đối với họ, cái chết nó dễ hơn là cái chuyện vi phạm giới luật.

Thì Đức Phật Ngài giải thích cho công chúa Cundī, nói là thọ Tam quy ngũ giới, nhưng mà phải giới như vậy đó, Tam quy mà Tam quy như vậy thì mới đủ để đảm bảo một người có quy giới không bị đọa. Còn nếu mà Tam quy ngũ giới mà nó chưa được tới cái mức đó thì cũng không chắc.

Kinh Uggaha - Người gia chủ

Có cái ông này, ông thỉnh Thế Tôn về nhà cúng dường, với Thế Tôn là người thứ tư. Có nghĩa là ngoài Thế Tôn, còn thỉnh thêm ba vị nữa. Đây là cái cách nói của người xưa, họ thỉnh là họ nói chuyện như vậy đó. Thì ngôn ngữ nào cũng như vậy, quý vị đừng có lấy làm lạ. Các vị sẽ nghĩ: “Ừa, sao nói gì vậy?” Nhưng mà mình nên nhớ đó là ngôn ngữ.

Tôi ví dụ, trong tiếng Mỹ mình hỏi người ta mấy giờ thì mình hỏi người ta là “What time is it?” nghĩa là mấy giờ rồi. Nhưng mà trong tiếng Đức nói rất là hay, nó hỏi vậy chứ: “Wie spät ist es?” — bây giờ đã trễ bao lâu rồi? Các vị thấy kỳ không? Tiếng Mỹ nó chỉ hỏi đơn giản là mấy giờ rồi, nhưng tiếng Đức lại hỏi là bây giờ đã trễ bao lâu rồi. Rất là thông minh, đây là một ngôn ngữ rất là thông minh.

Hỏi mấy giờ là mình đã thấy cuộc đời mình nó đang ngăn lại, quý vị. Hoặc buổi sáng hỏi bây giờ đã trễ bao lâu rồi, thì ví dụ là chín giờ mười lăm. Buổi chiều hỏi trễ bao lâu rồi.

Nhưng mà thật ra cái này tôi nói thiệt, tôi nói cho bà con biết vậy thôi, chứ bà con dịch sách, dịch báo, dịch kinh mà có gặp chữ này thì cũng làm ơn dịch là bây giờ là mấy giờ. Chứ bà con mà dịch là đã trễ bao lâu rồi thì nó kỳ dữ lắm nha. Nhưng mà cái kiểu người ta nói như vậy, thì mỗi dân tộc người ta có một kiểu nói, rất là hay.

Nhưng mà cũng cho phép tôi nói câu bị ném đá nữa. Các vị có biết không, lần nào tôi giảng kinh tôi cũng đội nón bảo hiểm hết trơn. Tui biết mà, tui biết thế nào cũng bị ném, cho nên bắt đầu vô giảng là tôi chuẩn bị một cái chai nước trắng với một cái nón bảo hiểm loại tốt, loại người ta chạy mô tô, thì tôi đội rồi mới dám vô giảng.

Đó là trong các vị dịch giả Việt Nam có hai trường phái.

Trường phái một là dịch nghĩa, tức là đọc một cái đoạn văn ngoại ngữ rồi hiểu sao viết lại bằng tiếng Việt.

Nhưng mà có một cái trường phái hai đó là dịch chữ, có nghĩa là từ điển phán như thế nào thì vị này bèn lấy y chang nó mà chép ra tiếng Việt.

Cho nên mình đọc cái này mình bàng hoàng lắm, có nghĩa là mình không có tưởng tượng là trên đời này có một thứ sách mà từng chữ, từng câu nó kỳ quái như vậy. Và mình cũng hơi thắc mắc là cái người nào đã viết ra cái bản dịch này, lúc họ đặt bút viết ra họ có hiểu là họ đang viết cái gì hay không nữa.

Mà cái chuyện đó không chỉ có riêng Việt Nam. Ngày xưa bên Tàu có các ngài như ngài Cưu-ma-la-thập, hay ngài An Thế Cao, ngài Huyền Trang, ngài Nghĩa Tịnh, ngài Pháp Hiển, thì các ngài cũng chia ra hai cái trường phái: nghĩa dịch và trực dịch. Nghĩa dịch có nghĩa là hiểu cái đoạn Phạn văn đó nói cái gì thì người ta mới chép lại bằng cái ngôn ngữ của người Hán. Còn trực dịch là từng chữ từng chữ dịch đối nhau chan chát, mà đọc thì chỉ có trào máu thôi.

Ok, tôi đi một cái vòng hơi xa, nhưng không phải là vô ích.

Bây giờ tôi mới quay trở lại là ông này ổng thỉnh Thế Tôn và ba vị nữa về cúng dường. Cúng dường xong rồi thì ổng nói:

“Bữa nay con có mấy đứa con gái sắp đi lấy chồng, mà tại gia thì tông phụ, xuất gia thì tông phụ. Bây giờ khi nó đi về nhà chồng thì con đâu có còn cái cơ hội để nhắc nhở, dạy dỗ, bảo ban như thuở nào nữa. Thôi thì bây giờ trước khi tụi nó đi xa, về làm dâu xứ lạ, thì con rất là mong Thế Tôn nói cho tụi nó nghe cái gì đó để cho tụi nó có cái bỏ túi đem theo đường vậy đó.”

Thì Đức Thế Tôn mới giảng dạy những cái trách nhiệm mà một người vợ phải chu toàn khi mà về sống với chồng.

Cái này mình phải hiểu thêm là trong cái bối cảnh xã hội văn hóa Ấn Độ thời đó, thì cái sự nghiệp lớn nhất của người đàn bà là có được một cái tấm chồng ok, mà chồng ok có nghĩa là chồng thương. Cho nên mình thấy cái chỗ này Ngài nói có vẻ rất là

bình thường, nhưng mà thật ra sâu lắm. Sâu ở chỗ là Ngài biết rất rõ cái sự nghiệp lớn nhất của người đàn bà chính là có được cái tình yêu của chồng.

Còn ngày hôm nay thì ta có một cái định nghĩa mới về cuộc hôn nhân thành công đó là: đàn ông thành công là kiếm tiền nhiều hơn nhu cầu, đàn bà thành công là tìm ra người đàn ông đó lấy làm chồng.

Người xưa thì không. Người xưa thì cuộc hôn nhân thành công của người đàn bà chính là có được cái niềm tin yêu của ông chồng. Cho nên đây là lý do vì đâu mà trong cái kinh này, Thế Tôn dạy cho mình cái trách nhiệm của một người làm vợ, làm dâu.

Một, thức sớm ngủ trễ.

Hai, siêng năng, đảm đang.

Ba, cư xử phải phép với kẻ ăn người ở. Trong đây có ghi rõ là tùy sức mà giao việc, tùy cái nhu cầu mà hỗ trợ. Y như tinh thần cao nhất của Đảng Cộng sản đó là: làm việc theo năng lực, tiêu thụ theo nhu cầu. Nhiều người đã mê hai câu này mà đã đem cả cuộc đời cống hiến không mệt mỏi.

Bốn, biết giữ của cho chồng.

Ngài nói nếu mà một người con gái đi về làm dâu xứ lạ mà tâm niệm được các cái điều này thì dễ dàng trở thành một nữ chủ đầy quyền lực ở nhà chồng. Bởi vì cái nhà chồng, trừ ra cái đám bị tâm thần, chứ mà nó đầu óc bình thường mà gặp phải một cái nàng dâu như thế này, gặp một người vợ như thế này mà không biết quý thì chỉ có tâm thần.

Nói như vậy để cho bà con thấy rằng Đức Phật không phải lúc nào cũng nói chuyện trên mây, như nhiều người tưởng lầm rằng đạo Phật là cái đạo bi quan yếm thế.

Không có phải đâu. Đức Thế Tôn Ngài giống như mưa vậy đó, nghĩa là mưa trên núi cũng có, mưa xuống đồng bằng, mưa ra biển, mưa cũng có thể về suối, về sông, về hồ, về ao, về kinh rạch. Mưa trên những cánh rừng Amazon, mưa trên những cánh rừng nhiệt đới, mưa trên những khu vườn, mưa trên những chiếc lá trên ban công của một người già sống quạnh hiu. Ở đâu mưa cũng về tới hết, nhưng mà tùy cái điều kiện môi trường, hoàn cảnh mà ta đón nhận được bao nhiêu lợi ích từ mưa.

Chẳng may ta là một người lữ khách trên đường, không nón không dù vào một buổi chiều nơi xứ lạnh, thì khi mưa xuống, cái mình đón nhận được chỉ là một cái sự quạnh hiu thôi. Có nhiều người đến với đạo mà cái não trạng hay tâm trạng của họ không có thích ứng, học đạo càng lâu chỉ thêm sinh họa thôi, chứ lời Phật là tưới tắm hết mọi tâm hồn, mọi hoàn cảnh, mà không có ai Phật bỏ hết.

Đại tướng Siha

Ông này ông đến hỏi Thế Tôn về cái quả báo của bố thí, bởi vì có nghe chư Tăng nói cũng thường, nghe Phật tử nói cũng thường. Một trong những cái hạnh lành mà người cư sĩ được dịp nghe nhiều nhất, được khuyến tấn nhiều nhất, được kêu gọi nhiều nhất và cũng được thấy nhiều nhất, đó là hạnh bố thí.

Thường thì Phật tử Việt Nam mình thấy người ta sao mình vậy, người ta làm vậy mình cũng làm theo, nhưng mà phải có trí và có tìm hiểu một chút.

Thí dụ như ở Nhật, tại sao mà người Nhật họ ăn sushi? Tại sao họ lại có kiểu uống trà, chưng hoa, xếp giấy... không có giống ở xứ mình, thì cái người hiểu học phải như vậy. Rồi ở Ý họ cũng tìm hiểu mì Ý, rồi tại sao pizza nó như vậy, tại sao người Ý họ ăn cái đó thì mình cũng tìm hiểu mình ăn. Pizza trong các loại thì loại nào ngon nhất? Mì Ý thì có bao nhiêu loại và ăn kiểu nào cho đúng điệu, đúng gu nhất? Ở đâu cũng vậy, vô trong đạo cũng vậy. Thấy, nghe giảng thì cũng phải tìm hiểu, chứ không thể sống trong lối mòn, sống như con nít.

Ông Siha là một nhân vật rất là độc đáo. Ông tướng này từng hỏi Phật vấn đề chay mặn. Phật dạy: ăn chay mặn với từ tâm và xem đó là phương tiện tạm thời thì ăn gì cũng vô tội; không ăn với lý tưởng như vậy thì ăn chay mặn gì cũng đều là bữa ăn có lỗi. Bà con có thắc mắc chúng tôi nói dựa vào đâu thì xin vào Google đánh chữ “General Siha Vegetarian” sẽ ra điều tôi đang nói.

Bữa nay ông lại hỏi Thế Tôn chuyện khác. Trong thời Đức Phật có rất nhiều người đặc biệt lắm, họ đến hỏi đạo với Đức Phật những vấn đề phải nói là mối quan tâm chung của bà con Phật tử mà ít người họ chịu hỏi, để thắc mắc giam nó nằm trong đầu cả đời rồi chết ra đi với niềm hoang mang.

Tôi biết rất nhiều người Phật tử họ đến với chúng tôi, họ hỏi thăm khỏe không? Xong rồi họ cho chúng tôi củ sắn, củ khoai rồi bắt đầu họ nói về trời nắng, trời mưa, tin tức quốc tế, rồi thì họ ra đi. Cứ như vậy quen nhau mấy chục năm trời.

Có một ngày họ tình cờ họ nghe ai đó giới thiệu bài giảng của chúng tôi, họ mới ngạc nhiên. Có người gặp chúng tôi họ nói, có người gọi phone, có người gửi email, họ hỏi:

“Tại sao từ đó đến giờ chưa bao giờ nghe sư nói đến chuyện đó?”

Tôi nói:

“Quý vị nghĩ sao mà tôi không đề nghị thì làm sao quý vị nấu món đó cho tôi ăn. Thì tôi cũng vậy thôi, tôi không có nói cái gì hết. Quý vị không đề nghị, không lẽ tôi ép quý vị ra tôi giảng cho quý vị nghe.”

Cho nên mình là người Phật tử, như hồi này tôi đã nói, mình ở Nhật, ở Ý, thì mình phải tìm hiểu văn hoá, ẩm thực, sinh hoạt tư tưởng, văn vật của người ta, thì đó mới gọi là đúng điệu. Còn mình sống dật dờ dật dờ như một bóng ma, như cái nghĩa trang như vậy đó, sống nhờ sống gởi thì uống kiếp người lắm. Mình là Phật tử thì mình phải biết thắc mắc, hỏi, trau dồi, tư duy.

Ông hỏi Thế Tôn về cái quả báo bố thí:

“Con nghe nói về bố thí nhiều lắm, mà không biết nó cho được cái gì?”

Phật dạy người bố thí được cái quả báu như sau:

1. Kẻ hào sảng dễ được thương mến.

Mình rộng là tự nhiên người ta thương à. Mình cà chớn, mặt mày xăm tùm lum hết trơn, nhưng mà trong khi mình rộng rãi là tự nhiên người ta nhìn thấy là người ta mến mình. Bởi người ta thấy ít ra là mình trọng người ta hơn là vật chất, chứ còn có kẻ cứ bo bo ky cốp.

Tôi nhớ cách đây mấy ngày tôi xem một clip ngắn của mấy đại ca giang hồ Sài Gòn làm từ thiện, thì tôi nhìn tôi cũng thương nữa. Mặc dù mình mấy ảnh xăm tùm lum, ban đêm mà nhìn thấy trong một quãng đường vắng chắc tui thấy cũng lạnh xương sống đó. Nhưng mà lúc nhìn mấy ảnh làm từ thiện thì nhìn anh nào cũng đẹp trai lộng lẫy luôn đó, tôi phải nói rõ như vậy.

Khi các vị sống biết nghĩ đến người thì ai cũng đẹp hết; cùi, đui, sút mẻ gì cũng đẹp hết trơn á. Còn các vị có đẹp bằng tiên đi nữa mà lúc nào cũng ki bo tích cốp cho riêng mình thì tự nhiên tui nhìn thấy nó hèn sao đó.

Tôi không kêu quý vị cho tôi, nhưng mà tôi phải nói thẳng cái suy nghĩ của tôi như vậy: tôi nhìn một cái người mà ki bo tôi ghét lắm. Các vị cho ai cũng được nhưng mà phải rộng rãi. Sống không bao lâu mà sống kiểu như chuột, như sóc giấu của chờ mùa đông thì nhìn nó hèn lắm.

2. Có điều kiện gặp được hiền nhân.

Tức là khi mà anh kẹo quá thì trong đầu của anh chỉ có vật chất thôi. Cho nên hiền nhân thánh chúng mà có đi xẹt ngang mắt của anh thì anh cũng không có màng. Phải coi nhẹ cái vật chất thì anh mới rảnh trí để quan tâm tinh thần, chứ mà anh cứ tối

ngày cái chén, muống nước mắt, củ tỏi, củ hành mà suốt một ngày anh cứ ki bo kiếu đó thì anh không còn cái gì cho tâm linh tinh thần hết.

Khi anh coi nhẹ vật chất thì anh mới rảnh trí bận tâm đến vấn đề tâm linh và tinh thần, thì khi đó anh gặp những bậc hiền nhân, hiền trí, anh mới sáp vô với người ta được. Ngay cả hiền trí người ta không màng cái gì trong tay của anh đi nữa, nhưng mà thấy anh nặng vật chất người ta cũng oải nữa. Người ta không có màng của anh đâu, nhưng mà ít ra người ta thấy được anh quan tâm tới cái gì. Mà tự nhiên người ta thấy anh quan tâm tới vật chất nhiều quá thì người ta nổi da gà, người ta lạnh xương sống rồi người ta đi luôn.

3. Người hào sảng luôn được danh thơm.

Thời nào cũng vậy hết, cái vị giàu cỡ nào mà cái vị kẹo vắt chà ra nước thì khi các vị chết, người ta nói về các vị cũng chỉ chửi thôi.

Nhưng nếu các vị có lòng hào sảng thì khi họ nhắc tới quý vị, chuyện đầu tiên là phải nói ai cũng khoái các vị. Cái thằng xấu thì nó vui vì nó lợi dụng được quý vị, mà cái thằng đảng hoàng nó nhắc tới quý vị là nó nể phục, là vì các vị đã làm được chuyện họ làm không nổi. Thằng xấu nó khen mình vì nó lợi dụng được mình, còn cái anh tốt anh khen mình là vì mình làm cái chuyện mà họ làm không có được.

Tôi nhớ hoài, ở Vĩnh Long quê tôi có bà cụ cả đời bốn, năm chục năm đi cắt lá môn. Mà các vị trong room có tin không? Bà đi cắt lá môn chỉ để dành đủ tiền để ăn bữa cơm đạm bạc, uống thuốc khi bệnh thôi, còn không là bà để dành, bà mua vàng thoi bạc nén để bà đi lợp nóc chùa làng, chùa quê. Bà coi cái chùa nào mà mái dột cột xiêu là bà tới bà xin lợp, làm lại cái nóc. Cho tới ngày bà chết thì con cháu bà ngồi tính là bà đã làm được 10 cái chùa như vậy.

Mà các vị có biết là tiền đó ở đâu nó ra? Mà cứ là nàng đi cắt lá môn, mà cắt xong rồi nàng về thì tiền đó nàng đâu có tin, bởi vì tiền Việt Nam mà. Nàng cứ mua vàng thoi

bạc nén nàg để dành, mà mấ đũa con nó cứ tưởng là bả mê vàng. Không có phải. Bả nói đủ rồi là bả đi cúng chùa, đi lợp nóc chùa.

Tôi đâu có biết bả, tôi đâu có ăn cắt nào của bả, nhưng phải nói đời này kiếp này mà hể tôi còn đi giảng kinh là tôi còn lòi cái bà đó ra tôi nói. Bởi vì trên đời này có cái kẻ sống ngược ngạo. Người ta vui vì người ta được nhận, nhưng có kẻ vui vì được trao ra.

Tùy vào tâm cơ, tâm địa của mỗi người mà chúng ta có hai kiểu vui khác nhau. Có kẻ vui vì được nhận, còn có kẻ vui vì được trao ra.

Đi shopping cũng vậy. Có người đi shopping họ vui vì họ mua được thứ họ cần, họ muốn. Có người vui vì về nhà họ liệg được đồ đạc ra ngoài sà nhà, bởi vì họ rảnh rồi. Về đến nhà là mỗi người có cái kiểu vui riêng. Ông chồng vui vì về tới nhà không còn gì để cầm nữa, còn bà vợ vui vì bữa nay bả mua được quá nhiều đồ.

Và mình làm chủ một ngôi nhà cũng có hai niềm vui. Có nhiều khi mình vui vì mình mua được bộ bàn ghế mình thích, nhưng cũng có lúc mình vui là vì mình tổng khứ được bộ bàn ghế mình ghét, mình chán. Cho nên dân đồ cổ nó mới rỉ tai nhau cái câu: “Đồ cổ là gì? Là mua của thằng chán và bán cho thằng mê”. Các vị có nghe cái câu đó không?

Đời sống mình chỉ có vậy thôi. Không lẽ bây giờ tôi nói cho bà con, tôi là vua đồ cũ. Vua ở đây là gì? Có nghĩa là trong cái trú xứ của tôi ở Châu Âu có 99,9% là đồ ở tiệm đồ cũ không. Thì tôi biết rằng người ta phải ớn nó cỡ nào mới đem liệg ra đó, liệg chứ không phải là bán, thì mình mới ra đó mình cộ về.

Có nhiều món mình cộ vài tháng, một năm, hai năm, mình nhìn nó mình không thấy có cảm giác gì đặc biệt. Nhưng mà có nhiều món mà khi cộ về, bây giờ tôi rầu là không biết làm sao mà tổng nó đi đây. Mặc dù là mình đem nó về với giá tiền rất là rẻ, nhưng mà vấn đề bây giờ mình để nó ở đâu đây. Mình bỏ thì thương mà vương thì tội.

Thì tùy vào tâm tư của mỗi người mà có kẻ họ vui vì họ có thêm được đồ trong nhà, có kẻ họ vui vì họ có thêm được cái chỗ trống ở trong nhà.

4. Kẻ hào sảng đi đâu cũng dạn dĩ, không khiếp sợ đám đông hay người lạ.

Bởi vì họ rộng rãi quá mà. Họ sẵn sàng vung tiền ra để họ giải quyết vấn đề, sẵn sàng họ vung tiền ra để họ giúp người. “Đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn” — có tiền mà thêm cái tính rộng nữa.

Tôi có được một chút may mắn là tôi có gặp một vài người như tôi vừa kể. Có nghĩa là họ sẵn sàng vung tiền ra lót đường để giải quyết những rắc rối. Họ sống rất là đã. Họ coi đồng tiền giống như nô lệ của họ, một thằng nô lệ trung thành mà không bao giờ phản phúc.

Còn có kẻ mang tiếng là giàu nhưng mà họ là nô lệ cho đồng tiền họ có. Còn cái kẻ hào sảng là họ bắt đồng tiền phải hầu hạ họ, phải cung phụng họ, cho nên họ đi đến đâu cũng thanh thản, dạn dĩ. Họ coi mọi sự đều nhỏ xúu xù xiu, chuyện lớn hóa nhỏ, nhỏ hóa không.

5. Kẻ hào sảng chết dễ sanh thiên vì thiên giới chỉ dành cho người rộng tay.

Ông Sĩha nghe Đức Phật giảng như vậy, ông mừng lắm.

Tiếp theo là kinh 35 y chang như kinh 34.

Bố thí đúng lúc

Bố thí đúng lúc:

1. Cho người ở xa mới đến.
2. Cho người sắp đi xa.
3. Cho người đang đau bệnh.
4. Cho người đang lúc đói kém, thiếu thốn.
5. Cho lúc đầu mùa như lúa mới hay trái đầu mùa.

Đây được xem là bố thí đúng lúc đúng thời. Không phải chỉ có chừng đó, nhưng ở đây tùy duyên mà Đức Phật chỉ nói chừng ấy. Chỗ khác Ngài sẽ nói thêm trường hợp bố thí khác.

Thí dụ như dâng y Kathina cũng là bố thí hợp thời, có nghĩa là chư tăng sau 3 tháng an cư thì mình giàu nghèo không thành vấn đề. Miễn là mình hùn một phần hoặc toàn phần vào cái lễ cúng dường tăng y Kathina thì công đức phải nói là vô lượng. Hoặc chư tăng vừa làm xong một cái Phật sự quan trọng. Thí dụ như vị vua họ dành cái quyền hỗ trợ cho các cuộc kiết tập Tam Tạng. Hoặc là những lần chư tăng tình cờ họp mặt đông đúc thì cũng có nhiều thí chủ họ lưu ý.

Chẳng hạn như tôi có vài Phật tử thân quen ở Việt Nam họ có gọi hỏi, họ muốn làm phước trong trường hợp nào, thì tôi nói là: Thường mình khơi khơi mà mời những vị tôn túc, hòa thượng thì rất là khó. Lý do đơn giản là vì sức khỏe đi đứng của các vị; thứ hai là vì ở xa nên mình khó bề có được buổi cúng dường. Khó bao giờ mà chư tăng ở xa mà mình thỉnh về rần rần như một ngôi chùa dữ lắm.

Cho nên tôi có bày họ thế này: là để ý trong cái chùa nào mà người ta sắp làm lễ lớn hoặc là lễ vừa xong, thì trước đó mình liên lạc với sư trụ trì trước. Mình nói là:

“Con muốn cúng dường trai tăng cho đại tăng. Thì trước cái ngày dâng y, nếu mà trong chùa có bao nhiêu tăng về là con thỉnh hết về nhà của con.”

Hoặc là mình nhờ ông trụ trì nói riêng cho các vị tăng khách là:

“Lễ vừa xong thì xin chư tăng ở lại đây thêm một ngày nữa, để ngày hôm sau con thỉnh về con cúng dường. Còn nếu mà bí quá thì thôi, chiều nay con xin thỉnh về con cúng dường nước uống cũng được.”

Nhưng mà đại khái là lễ xong thì chư tăng còn ở đó đông, nên đó là cái dịp tốt nhất cho mình thỉnh được những vị tôn túc, những vị khả kính mà mình muốn. Chứ còn mà khơi khơi, chẳng hạn như ngài Hộ Pháp mà mình lên tới núi Dinh là mình đã cực

rồi, mà mình thỉnh ngài từ trên đó xuống dưới phố Sài Gòn của mình thì nó cũng xa. Thôi thì bây giờ mình chờ trực, canh me lúc nào ngài về.

Chùa Bửu Long thì mình lên thỉnh ngài, cùng chư tăng và ngài Viên Minh thì mình thỉnh về nó cũng tiện. Chứ mà còn tự nhiên nổi hứng anh hùng bay tới núi Dinh thì tôi nghĩ ngài không có đi, mà ngay cả tôi mới vừa nói là tôi đã lạnh xương sống rồi. Từ trên núi Dinh mà chống cây thiền trượng xuống núi là bản thân tôi đã nản rồi, nói chi là một vị lớn tuổi. Cho nên đây là tôi bày cho bà con cái bố thí hợp thời nó nhiều lắm, chứ không phải chỉ có bao nhiêu đây, mà còn tùy chỗ nữa.

Hoặc là phát lộ. Tôi có biết một vài vị sư ở Việt Nam rất thích trai tăng sau hai cái ngày sám hối của Tỳ-kheo. Tôi xa xứ mấy chục năm rồi mà tôi còn nhớ đó là một sáng kiến rất là thông minh. Săn trong room này tôi cũng nhắc luôn, nếu các vị mà làm được thì nhớ hồi hướng: “Ông đã nhắc mình”.

Nghĩa là bà con muốn cúng trai tăng mà phước nhiều thì không có cần cúng giỗ đúng ngày. Thí dụ như má mình chết ngày ba tháng tám thì năm nào mình cũng đề cái ngày này ra mình cúng dường trai tăng thì nó bậy dữ lắm. Tại sao bậy? Bởi vì cái ngày đó chắc gì mình thỉnh được chư tăng.

Cái hay nhất mà tôi làm phước cho má, cho ba tôi, thì tôi sẽ đợi sau cái buổi mà chư tăng phát lộ, tức là chư Tỳ-kheo sám hối nhau cho trong sạch. Thí dụ như là ngày rằm hay 30 thì tôi cúng dường cái bữa 16. Tức là chiều 15 chư tăng làm cái lễ sám hối nhau, thì ngày đó qua ngày 16 là tôi thỉnh về tôi cúng dường rồi tôi hồi hướng cho má tôi.

Chứ còn cái chuyện má tôi chết ngày 3/8 hay 8/3, cái đó không quan trọng, mà cái quan trọng nhất là tôi đã có một cái ngày thiết là ngon lành, chư tăng trong cái tình trạng thiết là ngon lành, thì tôi lấy cái công ngon lành đó tôi hồi hướng cho má tôi thì tôi thấy tôi tin hơn.

Chứ tự nhiên là cái văn hóa Tàu nó tập nhiễm cái người Việt Nam là năm nào cũng đề ngay chóc cái ngày má mất hoặc bố mất để mà hồi hướng thì tôi thấy cái đó tào lao.

Tôi biết là tôi nói như vậy là tôi cũng đang đội nón bảo hiểm nè, bởi vì tôi đang đụng vô cái bức tường thành tín ngưỡng mê tín dị đoan, u mê ám chướng của 100 triệu người Việt Nam thì làm sao chúng không ném đá chửi tui. Nhưng mà vì lòng đại bi mà tôi nói, bởi vì đó là một cái ngu.

Là vì sao? Bố mẹ mình chết ngày nào không quan trọng, mà quan trọng là mình đã mời được ai về mình cúng dường, và khi mình cúng dường thì bằng cái tâm tư như thế nào, thì cái đó mới quan trọng.

Bố thí bữa ăn

Cho ăn là cùng lúc bố thí 5 thứ:

1. Cho sự sống.
2. Cho ngoại hình.
3. Cho sự an lạc.
4. Cho sức khỏe.
5. Cho trí tuệ.

Nhờ thức ăn của ta bố thí mà người kia sống thêm một ngày. Bữa ăn của ta giúp người đã đẹp được đẹp thêm, kẻ vốn xấu cũng nhờ bữa ăn này được thêm sinh tố, đẹp bao nhiêu hay bấy nhiêu. Người khỏe mạnh ăn vào thêm khỏe, người đẹp ăn vào thêm đẹp, người đang vui ăn vào thêm vui, người trí tuệ ăn vào thêm trí tuệ.

Khi cúng dường hay bố thí thức ăn nên niệm tưởng câu kinh vừa ghi. Nhớ nha, khi mình quỳ xuống cúng dường mình đừng có nguyện tùm lum, nó ngu lắm. Mình chỉ đơn giản mình quỳ xuống, mình dâng cái mâm cơm, nghĩ trong bụng mình như vậy thôi.

Thí dụ như mình cúng dường cho ngài Thanh thì chắc chắn là nhờ ăn ngài mới sống chứ, mà ngài là người như thế nào thì mình biết rồi. Nên mình chỉ nghĩ trong bụng: người có trí ăn vào càng thêm trí, bởi vì họ thêm được một ngày sống nữa. Mà họ có giới ăn vào càng thêm giới, có nghĩa ăn bữa ăn này là họ thêm được một ngày để họ giữ giới nữa. Ai có định ăn vào thêm định, ai đã đẹp ăn vào thêm đẹp.

Mình cứ đọc như một thằng khùng như vậy, mà chỉ có mình biết thôi là mình không có khùng. Lúc bấy giờ cái công đức cúng dường bữa ăn nó không đơn giản là bữa ăn nữa, mà ý nghĩa của việc bố thí lúc ấy cùng lúc là 5 thứ tặng phẩm. Quý vị nghĩ coi, như vậy thì làm sao mà công đức nó nhỏ được.

Chúc quý vị một ngày vui và hẹn gặp lại nhau ngày mai.